

Số: 13/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 123/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 05 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974.

2. Bà Bùi Ngọc M, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Ấp TT, xã PH, tỉnh Đồng Tháp (*Địa chỉ cũ: ấp TT, xã AN, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp*);

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp TL, xã TNĐ, tỉnh Đồng Tháp (*Địa chỉ cũ: ấp TL, xã TNĐ, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp*);

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn L, sinh năm 1954; Địa chỉ: Tổ A, ấp PL, xã PH, tỉnh Đồng Tháp (*Địa chỉ cũ: tổ A, ấp PL, xã PH, huyện C, tỉnh Đồng Tháp*).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đào Thị Thu T, sinh năm 1954.

2. Anh Lê Minh K, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp PL, xã PH, tỉnh Đồng Tháp (*Địa chỉ cũ: tổ A, ấp PL, xã PH, huyện C, tỉnh Đồng Tháp*).

3. Anh Lê Văn P, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ A, ấp PL, xã PH, tỉnh Đồng Tháp (*Địa chỉ cũ: tổ A, ấp PL, xã PH, huyện C, tỉnh Đồng Tháp*). Ở: Số B, đường N, khu phố M, phường HB, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, anh K, anh P là: Chị Lại Phan Xuân Đ, sinh năm 1985; Số V, LTR, Khóm CS, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự trong vụ án cùng thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân đối với các thửa đất:

- Thửa 13, tờ bản đồ số 37 (Được tách thành 02 thửa: Thửa 542, diện tích 3.950m², loại đất LUC và thửa 543, diện tích 2.247m², loại đất LUC theo biên bản đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 25/12/2023; Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

- Thửa 265, tờ bản đồ số 28 (Được tách thành 02 thửa: Thửa 517, diện tích 1.050m², loại đất LUC và thửa 518, diện tích 306m², loại đất LUC theo biên bản đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 25/12/2023; Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

- Thửa 50, tờ bản đồ số 100 (37 cũ) (Được tách thành 03 thửa: Thửa 577, diện tích 1.861m² (Trong đó: 228m² đất ở và 1.633m² đất CLN); Thửa 578, diện tích 2.838m² (trong đó: 228m² đất ở và 2.610m² đất CLN) và thửa 579, diện tích 2.675m² (trong đó: 200m² đất ở và 2.475m² đất CLN) theo bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất; phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và trích lục bản đồ địa chính ngày 03/10/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực XIV – Đồng Tháp.

- Thửa đất số 226, tờ bản đồ số 29, diện tích 3.473m², loại đất chuyên trồng lúa.

- Các thửa đất trên tọa lạc tại xã PH do hộ ông Lê Văn L đứng tên quyền sử dụng đất.

Cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Ngọc M được đứng tên quyền sử dụng 5.000m² đất trong đó: Thửa 542, diện tích 3.950m², loại đất LUC và Thửa 517, diện tích 1.050m², loại đất LUC theo biên bản đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 25/12/2023; Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C). Ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Ngọc M có nghĩa vụ

trả cho ông Lê Văn L số tiền chuyển nhượng đất còn lại là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);

2. Ông Lê Văn P được đứng tên quyền sử dụng diện tích 5.228 m² đất trong đó: Thửa 543, diện tích 2.247m², loại đất LUC; Thửa 518, diện tích 306m², loại đất LUC theo biên bản đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 25/12/2023; Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C) và thửa 579, diện tích 2.675m² (trong đó: 200m² đất ở và 2.475m² đất CLN theo theo bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất; phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và trích lục bản đồ địa chính ngày 03/10/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực XIV – Đồng Tháp).

3. Ông Lê Văn L được đứng tên quyền sử dụng diện tích 1.861m² đất thửa 577, tờ bản đồ số 100 (trong đó: 228m² đất ở và 1633m² đất CLN theo theo bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất; phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và trích lục bản đồ địa chính ngày 03/10/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực XIV – Đồng Tháp).

4. Bà Đào Thị Thu Thảo được đứng tên quyền sử dụng diện tích 2.838m² đất thửa 578, tờ bản đồ số 100 (trong đó: 228m² đất ở và 2.610m² đất CLN theo theo bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất; phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và trích lục bản đồ địa chính ngày 03/10/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực XIV – Đồng Tháp) và Thửa đất số 226, tờ bản đồ số 29, diện tích 3.473m², loại đất chuyên trồng lúa.

5. Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

6. Về chi phí tố tụng: Các đương sự đã nộp tạm ứng và chi xong.

7. Về án phí:

- Ông Lê Văn L, bà Đào Thị Thu T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi;

- Ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Ngọc M phải chịu 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002248 ngày 15/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Ông H, bà M được nhận lại 9.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Anh Lê Văn P được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002282 ngày 09/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 8 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Trãi